

Số: 226/KH-UBND

Triệu Sơn, ngày 14 tháng 02 năm 2017

KẾ HOẠCH

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, người khuyết tật năm 2017

Thực hiện Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 02/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phân bổ kinh phí dạy nghề cho lao động nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2016;

Công văn số 2356/SLĐTĐBXH-DN ngày 08/8/2016 của Sở Lao động-TBXH về việc triển khai thực hiện dạy nghề cho lao động nông thôn, người khuyết tật năm 2016. Công văn số 07/SLĐTĐBXH-DN ngày 03/01/2017 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa về việc xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, người khuyết tật năm 2017.

Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn, người khuyết tật năm 2016 kết quả như sau:

I. Tình hình dạy nghề cho lao động nông thôn, lao động người khuyết tật năm 2016.

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Ban chỉ đạo cấp xã đã được thành lập, kiện toàn 36/36 xã, thị trấn và xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Ban chỉ đạo.

- Hoạt động của Ban chỉ đạo các cấp huyện, xã đã phối hợp với các cấp các ngành và tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị dạy nghề lồng ghép tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong sinh hoạt, hoạt động của Hội, tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm, cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2020, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên CS Hồ Chí Minh, Hội Khuyến học, Trung tâm khuyến nông huyện tổ chức các lớp tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm cho lao động nông thôn.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Nghề cho lao động nông thôn

a. Nghề nông nghiệp

- Nghề nuôi ong mật: Tổng số người học: 52 người, trong đó: đối tượng 1: 52 người; đối tượng 2: người; đối tượng 3: người.

+ Thời gian đào tạo: Dưới 03 tháng. Từ 25/10/2016 đến 25/12/2016

+ Địa điểm mở lớp: Xã Bình Sơn huyện Triệu Sơn

+ Cơ sở dạy nghề: Doanh nghiệp kinh doanh văn phòng phẩm, dạy nghề của người khuyết tật Thanh Hoa.

+ Phương án giải quyết việc làm sau đào tạo: Bao tiêu sản phẩm 24 tháng trở lên.

b. Nghề phi nông nghiệp

- Nghề làm nan gỗ xuất khẩu: Tổng số người học: 25 người, trong đó: đối tượng 1: người; đối tượng 2: người; đối tượng 3: 25 người.

+ Thời gian đào tạo: Dưới 03 tháng. Từ tháng 11/2016 đến 31/12/2016

+ Địa điểm mở lớp: Xã Thọ Sơn huyện Triệu Sơn

+ Cơ sở dạy nghề Doanh nghiệp kinh doanh văn phòng phẩm, dạy nghề của người khuyết tật Thanh Hoa.

+ Phương án giải quyết việc làm sau đào tạo: Bao tiêu sản phẩm 24 tháng trở lên

- Nghề Đan mũ bẹ ngô: Tổng số người học: 105 người, trong đó: đối tượng 1: 20 người; đối tượng 2: người; đối tượng 3: 85 người.

+ Thời gian đào tạo: Dưới 03 tháng. Từ tháng 11/2016 đến 31/12/2016

+ Địa điểm mở lớp: Xã Thọ Ngọc huyện Triệu Sơn

+ Cơ sở dạy nghề: Doanh nghiệp kinh doanh văn phòng phẩm, dạy nghề của người khuyết tật Thanh Hoa.

+ Kinh phí: 209.760.000đ

+ Phương án giải quyết việc làm sau đào tạo: Bao tiêu sản phẩm 24 tháng trở lên.

2.2. Dạy nghề cho người khuyết tật

- Nghề đan mũ bẹ ngô: Tổng số người học: 20 người

+ Thời gian đào tạo: 03 tháng. Từ 01/12/2016 đến 28/02/2017

+ Địa điểm mở lớp: Xã Dân Quyền huyện Triệu Sơn

+ Cơ sở dạy nghề: Doanh nghiệp kinh doanh văn phòng phẩm, dạy nghề của người khuyết tật Thanh Hoa.

+ Phương án giải quyết việc làm sau đào tạo: Bao tiêu sản phẩm 24 tháng trở lên.

3. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí hỗ trợ năm 2016: 758.659.000đồng;

+ Trung ương phân bổ: 500.000.000đồng;

+ Ngân sách huyện: 258.659.000đồng;

+ Nguồn khác: Không.

Cụ thể:

- Dạy nghề nông nghiệp: 350.340.000 đồng

Trong đó: - Trung ương phân bổ: 140.000.000đồng;

- Ngân sách huyện: 210.340.000đồng;

- Nguồn khác: Không.

- Dạy nghề phi nông nghiệp: 318.319.000đồng
Trong đó: - Trung ương phân bổ: 270.000.000đồng;
- Ngân sách huyện: 48.319.000đồng;
- Nguồn khác: Không.

- Dạy nghề cho người khuyết tật: 90.000.000đồng
Trong đó: - Trung ương phân bổ: 90.000.000đồng;
- Ngân sách huyện: Không;
- Nguồn khác: Không.

4. Báo cáo tình hình thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện năm 2016.

- Các cơ sở dạy nghề đã thanh quyết toán kịp thời, đảm bảo thời gian quy định. Tổng kinh phí được quyết toán là: 705.119.000đ

Trong đó:

+ Ngân sách TW: 446.460.000đ

+ Ngân sách địa phương: 258.659.000đồng

+ Nguồn khác: không

- Kinh phí tồn chuyển nhiệm vụ sang năm 2017 là: 53.543.000đ nguồn ngân sách Trung ương.

5. Khó khăn vướng mắc; tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện.

Ban chỉ đạo huyện đã ban hành kịp thời các văn chỉ đạo thực hiện Đề án dạy nghề lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ - TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Chỉ đạo và phát huy được vai trò trách nhiệm của hệ thống quản lý Nhà nước về dạy nghề các cấp, hệ thống chính trị, xã hội các cấp tham gia tích cực trong công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm, kiểm tra giám sát thực hiện Đề án, đặc biệt là sự tham gia phối kết hợp có hiệu quả của các Trung tâm giáo dục cộng đồng tại các xã. Kết quả thực hiện Đề án nói chung, kết quả hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn nói riêng.

Trung tâm dạy nghề huyện đã được quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề để phục vụ dạy nghề cho lao động nông thôn. Các thiết bị dạy nghề cho lao động nông thôn như: thiết bị dạy nghề chăn nuôi - thú y, trồng nấm, may công nghiệp, điện dân dụng, cơ khí - hàn, tin học.

Giáo viên dạy nghề của Trung tâm dạy nghề huyện cơ bản đạt chuẩn theo quy định. Các cơ sở dạy nghề ngoài công lập (doanh nghiệp, hợp tác xã) chủ yếu là kèm cặp truyền nghề, dạy nghề thường xuyên dưới 3 tháng với các nghề thủ công mỹ nghệ. Đội ngũ giáo viên phần lớn là thợ lành nghề, số giáo viên dạy lý thuyết chuẩn hóa về chuyên môn và đã qua đào tạo nghiệp vụ sư phạm dạy nghề, số giáo viên dạy thực hành đã qua lớp bồi dưỡng kỹ năng dạy học cho người dạy nghề.

Tồn tại, hạn chế: Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định, song công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Việc triển khai công tác này còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa phù hợp với đặc điểm của từng vùng, miền,

chưa gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội - quy hoạch nông thôn mới, cụ thể:

- Chưa gắn đào tạo nghề với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội để chuyển đổi cơ cấu lao động theo hướng giảm dần tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng dần lao động tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Một số nghề chưa phát huy hiệu quả sau đào tạo, người lao động sau khi học nghề chưa duy trì được nghề lâu dài.

- Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề chưa đáp ứng được yêu cầu: đội ngũ giáo viên chưa đảm bảo cơ cấu, chủng loại, thiếu giáo viên dạy nghề tích hợp (dạy lý thuyết và dạy thực hành) thiếu kinh nghiệm thực tế sản xuất.

- Về chương trình đào tạo nghề: Các cơ sở đào tạo nghề đã căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp & PTNT xây dựng chương trình dạy nghề. Tuy nhiên việc triển khai còn chậm, chưa sát thực với yêu cầu của thị trường lao động, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của người học nghề.

- Chưa tạo được sự gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo nghề và doanh nghiệp trong việc phối hợp đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình dạy nghề và sử dụng lao động sau đào tạo. Trung tâm dạy nghề huyện đã được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề song mới chỉ dạy nghề cho lao động nông thôn một số nghề theo kinh phí được giao, còn việc đào tạo nghề thường xuyên rất hạn chế do chất lượng đào tạo nghề chưa đáp ứng được thị trường lao động, dẫn đến việc thiết bị dạy nghề được đầu tư ít phát huy hiệu quả sử dụng.

- Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về đào tạo nghề tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chưa có cán bộ chuyên trách về công tác đào tạo nghề mà chỉ làm kiêm nhiệm. Công tác tuyên truyền tư vấn học nghề, việc làm cho lao động nông thôn chưa sát thực tế. Nhận thức của một bộ phận người lao động về học nghề, làm nghề chưa đúng.

- Các phòng, ban, ngành chưa phối hợp chặt chẽ để thực hiện đúng với quy định hướng dẫn của cấp trên, và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Triệu Sơn đến năm 2020.

- Công tác xây dựng kế hoạch mở lớp, cấp kinh phí, quyết toán kinh phí lớp học còn chậm chưa đúng thời gian quy định.

- Công tác phối hợp giữa các phòng, ban ngành chưa chặt chẽ trong công tác lồng ghép tuyên truyền đào tạo.

- Công tác kiểm tra giám sát, chỉ đạo cơ sở, hướng dẫn cơ sở lập kế hoạch dạy nghề, khảo sát nhu cầu học nghề của Ban Chỉ đạo chưa thường xuyên.

- Công tác báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm và 5 năm còn chậm, chất lượng báo cáo còn thấp, chưa đúng với quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN, LAO ĐỘNG LÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT NĂM 2017

1. Chỉ tiêu, nhiệm vụ

- Hoạt động tuyên truyền; tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn.

Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm VHDTT, Đài truyền thanh-Truyền hình huyện, đài truyền thanh các xã, thị trấn triển khai công tác tuyên truyền rộng rãi trong quần chúng nhân dân về các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác đào tạo nghề.

Đài truyền thanh và truyền hình huyện xây dựng nhiều bản tin tuyên truyền trên sóng phát thanh về công tác đào tạo nghề, mô hình phát triển kinh tế sau đào tạo nghề và các chính sách hỗ trợ phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Lồng ghép tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong sinh hoạt, hoạt động của Hội, tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm, cho lao động nông thôn giai đoạn 2016-2020, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên CS Hồ Chí Minh tổ chức tư vấn học nghề, việc làm cho lao động nông thôn.

- Hoạt động điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn:

Điều tra khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn Ban chỉ đạo đề án huyện hướng dẫn các xã, thị trấn thực hiện điều tra, tổng hợp nhu cầu học nghề và xây dựng các đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn cấp xã.

Danh mục đào tạo cho lao động nông thôn ở địa phương:

+ Nghề nông nghiệp: Nghề kỹ thuật chăn nuôi - thú y; nghề sinh vật cảnh; nghề trồng nấm; trồng và chế biến bèo tây...

+ Nghề phi nông nghiệp: Nghề may công nghiệp, cơ khí, hàn; tin học văn phòng; đan giỏ bẹ chuối, bèo tây, bẹ ngô, nghề tắm hương...

Số lao động nông thôn có nhu cầu học nghề:

+ Nghề nông nghiệp: 3.150 người

+ Nghề phi nông nghiệp: 2.260 người

- Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề đối với cơ sở dạy nghề công lập:

Hệ thống, số lượng, chất lượng các cơ sở dạy nghề trên địa bàn huyện, năng lực hiệu quả, hoạt động của các cơ sở dạy nghề. Huyện Triệu Sơn có 1 đơn vị dạy nghề đó là: Trung tâm dạy nghề Triệu Sơn được thành lập tháng 8 năm 2008 tiếp nhận trường Trung học cơ sở Tô Vĩnh Diện được huyện trang bị, thiết bị dạy nghề may, năm 2010 tiếp nhận 2.500 triệu đồng, năm 2011 tiếp nhận 500 triệu đồng, năm 2013 trung tâm được đầu tư 1 tỷ đồng mua thiết bị may công nghiệp, thiết bị tin học. Trung tâm đã có 5 phòng học lý thuyết, có 4 xưởng thực hành.

2. Kế hoạch kinh phí:

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2017 là: 917,6 triệu đồng. Chi tiết theo chỉ tiêu nhiệm vụ.

(Có các mẫu phụ lục kèm theo)

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Đề nghị bố trí 1 biên chế theo dõi công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đề nghị tinh tiếp tục có chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề, kinh phí dạy nghề cho lao động nông thôn, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn./.

Nơi nhận: *✓*

- Sở Lao động-TBXH (để báo cáo);
- Lưu: VT, LĐTBXH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



M
* Lê Quang Trung

KẾT QUẢ VÀ HIỆU QUẢ DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2016
(Kèm theo Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 13/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị tính: người

Số TT	Nghề đào tạo	Thành phần đào tạo	Số học viên	Số lớp	Số học viên	Số học viên	Số người được học nghề						Hiện quá trình học nghề				Kinh phí được nhận								
							Bồi trợ 1			Bồi trợ 2			Bồi trợ 3			Tổng số người học xong	Được DN / đơn vị tuyển dụng	Được DN / đơn vị bảo hiểm xã hội	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác, tổ liên kết, HTX, doanh nghiệp	Thuộc hộ gia đình, hộ cá nhân, hộ kinh doanh	Số người có thu nhập ổn định	Tổng số	Nguồn sách TW	Nguồn sách huyện
1	2	3	4	5	6	7-9+1	10	11	12	13	14	15	16	17	18=19+20+21+22	19	20	21	22	23	24	25=26+27+28	26	27	28
Tổng số																									
A DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN																									
1	Nghề nông nghiệp	3 tháng	Trung tâm dạy nghề Triệu Sơn	Xã Thọ Thiệu	6	181	80	-	52	-	30	71	-	181	-	52	129	-	-	-	-	390.348	140.000	210.348	-
1	Nghề chăm sóc gia súc gia cầm	3 tháng	Trung tâm dạy nghề Triệu Sơn	Xã Kỳến Nông	1	34	8	-	-	-	15	11	-	34	-	-	34	-	-	-	-	55.635	-	55.634,5	-
2	Nghề chăm sóc gia súc gia cầm	3 tháng	Trung tâm dạy nghề Triệu Sơn	Xã Thọ Thiệu	1	35	17	1	-	-	2	32	-	35	-	-	35	-	-	-	-	49.910	-	49.910,0	-
3	Nghề chăm sóc gia súc gia cầm	3 tháng	Trung tâm dạy nghề Triệu Sơn	Xã Thọ Thiệu	1	34	22	17	-	-	11	6	-	34	-	-	34	-	-	-	-	60.342	-	60.341,5	-
4	Nghề chăm sóc gia súc gia cầm	3 tháng	Trung tâm dạy nghề Triệu Sơn	Xã Thọ Thiệu	1	26	10	2	-	-	2	22	-	26	-	-	26	-	-	-	-	44.454	-	44.454,0	-
5	Nghề Nuôi ong mật	3 tháng	DNTNKD văn phòng phẩm dạy nghề người khuyết tật Thanh Hoa	Xã Bình Sơn	2	52	46	52	-	-	-	-	-	52	-	-	52	-	-	-	-	140.000	140.000	-	-
II Nghề phi nông nghiệp																									
1	Nghề đan mũ bê nỉ	Dưới 3 tháng	DNTNKD văn phòng phẩm dạy nghề người khuyết tật Thanh Hoa	Xã Thọ Ngọc	3	105	105	20	-	-	-	-	-	110	-	110	-	110	-	-	-	301.579	253.268	48.319	-
2	Nghề làm nệm gỗ xuất khẩu	Dưới 3 tháng	DNTNKD văn phòng phẩm dạy nghề người khuyết tật Thanh Hoa	Xã Thọ Sơn	1	25	10	-	-	-	-	25	-	25	-	-	25	-	-	-	-	43.500	43.500	-	-
3	Nghề may công nghiệp	3 tháng	Trung tâm dạy nghề Triệu Sơn	Trung tâm dạy nghề Triệu Sơn	1	33	32	-	-	-	-	33	-	33	-	-	33	-	-	-	-	48.319	-	48.319	-

Ghi chú:

- Cột 2: Ghi cụ thể từng nghề đào tạo
- Cột 10, 11, 12, 13, 14: tương kể từ các đối tượng được thu hưởng; Ví dụ: 1 người vừa là người dân tộc thiểu số vừa là người thuộc hộ nghèo và vừa là người khuyết tật đi học nghề thì tổng kể cả cột 11, 12 và 14, tuy nhiên cột 9 chỉ tính là 1 đơn vị
- Mục B. DẠY NGHỀ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT: Các huyện được hỗ trợ kinh phí dạy nghề cho người khuyết tật báo cáo

Phụ lục 2

KẾT QUẢ VÀ HIỆU QUẢ DẠY NGHỀ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT NĂM 2016
(Kèm theo Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 15/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

Số TT	Nghề đào tạo	Thời gian đào tạo	Cơ sở dạy nghề	Địa điểm đào tạo (xã)	Số lớp	Trong đó: Nữ	Hiệu quả sau học nghề						Kinh phí được cấp			Nguồn khác		
							Số người học xong	Số người có việc làm	Được doanh nghiệp/đơn vị tuyển dụng	Được doanh nghiệp/đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác, tổ sản xuất, HTX, doanh nghiệp	Thuộc hộ thoát nghèo	Số người thuộc hộ có thu nhập khá	Tổng số		Nghiên sách TW	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	8	9	$10=11+12+13+14$	11	12	13	14	15	16	$17=18+19+20$	18	19	20
	Tổng số				1	12	0		-	20	-	-	-	-	53.200	53.200	-	-
1	Nghề đan mũ bẹ ngô	Dưới 03 tháng	DNTNKD văn phòng phẩm dạy nghề người khuyết tật Thanh Hoa	Xã Dân Quyền	1	12		20		20					53.200	53.200		

Đơn vị tính: người

Phụ lục 3

NHU CẦU KINH PHÍ DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2017

(Kèm theo Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 15/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

Số TT	Tên nghề đào tạo cho lao động nông thôn	Thời gian đào tạo	Số lớp	Tổng số	Nữ	Số người được học nghề							Kinh phí thực hiện				
						Số người thực tế thuộc đối tượng 1	Người được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất	Người thuộc hộ cận nghèo	Đối tượng 2	Đối tượng 3	Tổng số	Nghân sách TW	Nghân sách huyện	Nguồn khác
1	2	3	4	5=7+12+13	6	7	8	9	10	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	
	Tổng số		9	315	53	76	0	0	0	0	0	64	175	738.000	573.000	165.000	-
I	Nghề nông nghiệp		4	140	53	51	-	-	-	-	24	65	258.000	258.000	85.000	-	
	Nghề nuôi ong mắt	3 tháng	2	70	43	26					14	30	173.000	173.000			
	Kỹ thuật trồng cây cảnh	3 tháng	2	70	10	25					10	35	85.000	85.000			
II	Nghề phi nông nghiệp		5	175	-	25	-	-	-	-	40	110	395.000	315.000	80.000	-	
1	Đan mũ bẹ ngô	Dưới 3 tháng	3	105		15					20	70	235.000	235.000			
2	Nghề may công nghiệp	3 tháng	2	70		10					20	40	80.000	80.000			

- Cột 8, 9, 10, 11: thống kê tất cả các đối tượng được thụ hưởng; Ví dụ: 1 người vừa là người dân tộc thiểu số vừa là người thuộc hộ nghèo và vừa là thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp đi học nghề thì thống kê cả cột 9, 10 và 11, tuy nhiên cột 7 chỉ tính là 1 người

Ghi chú:

NHU CẦU KINH PHÍ DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG LÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT NĂM 2017

(Kèm theo Kế hoạch số 225 /KH-UBND ngày 15/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

TT	Nghề đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Số lớp	Số người học nghề	Trong đó: Nữ	Tổng số	Nhu cầu kinh phí		
							Ngân sách TW	Ngân sách huyện	Trong đó Nguồn khác
	Tổng số		2	40	0	179.600	179.600	0	0
1	Nghề đan mũ bẹ ngô	Dưới 3 tháng	1	20		89.800	89.800		
2	Nghề lắng hoa	Dưới 3 tháng	1	20		89.800	89.800		

225/15/212012

pls to 4 bin